

1

thuần do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, thường xuyên cự cãi nhau, sống chung không hợp, không hạnh phúc nên ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông NN.

Về con chung: Thời gian chung sống ông bà có 03 con chung tên Tăng Minh Đ, sinh năm 2001, Tăng Minh T, sinh năm 2002 và Tăng Diễm TT, sinh ngày 01/3/2008. Hiện nay cháu Đ và cháu T đã trưởng thành, cháu TT do ông NN nuôi dạy nên bà N tự nguyện giao ông NN tiếp tục nuôi dạy và không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà N và ông NN tự thỏa thuận, nợ chung không có nên bà N không yêu cầu giải quyết.

**Tại biên bản hòa giải ngày 07/12/2023 ông Tăng Hoàng NN trình bày:*

Ông NN thống nhất với phần trình bày của bà N về các mối quan hệ như hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Do sống chung không còn hạnh phúc nên ông NN thống nhất ly hôn theo yêu cầu bà N. Con chung ông NN yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu Thương nhưng ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung ông bà tự thỏa thuận; nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tăng Hoàng NN. Do ông bà chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Ông NN có địa chỉ cư trú ở ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà N và ông NN có ý kiến yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà N và ông NN tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ

chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Lê Thị N và ông Tăng Hoàng NN là vợ chồng.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống ông bà có ba người con chung tên Tăng Minh Đ, sinh năm 2001, Tăng Minh T, sinh năm 2002 và Tăng Diễm TT, sinh ngày 01/3/2008. Xét thấy, tại đơn khởi kiện của bà N cũng như tại biên bản hòa giải ngày 07/12/2023 bà N thống nhất giao cháu TT cho ông NN tiếp tục nuôi dạy là có căn cứ. Bởi vì, cháu TT hiện do ông NN nuôi dạy nên việc hoán đổi người trực tiếp nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm cháu TT. Hơn nữa cháu TT đã trên 07 tuổi và tại bản tự khai ngày 07/12/2023 cháu TT có nguyện vọng được ở với ông NN. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu TT cho ông NN nuôi dạy là phù hợp. Riêng con chung tên Tăng Minh Đ và Tăng Minh T đã trưởng thành và bà N, ông NN không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Ông NN không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi cháu Thương nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông NN tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị N và ông Tăng Hoàng NN là vợ chồng.

Về con chung: Bà Lê Thị N có nghĩa vụ giao con chung tên Tăng Diễm TT, sinh ngày 01/3/2008 cho ông Tăng Hoàng NN tiếp tục nuôi dạy. Bà Lê Thị N không phải

cấp dưỡng nuôi con. Bà N không trực tiếp nuôi dạy cháu TT nhưng bà có quyền thăm nom, chăm sóc cháu TT phù hợp với quy định pháp luật không ai được quyền cản trở. Riêng con chung tên Tăng Minh Đ, sinh năm 2001 và Tăng Minh T, sinh năm 2002 đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị N và ông Tăng Hoàng NN không có yêu cầu nên không xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 07 tháng 11 năm 2023 bà Lê Thị N có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai 0015761 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Thắng – Trần Phi Hùng

Nguyễn Kiều Trang